

Phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho sinh viên sư phạm ngành Giáo dục công dân Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Lê Hoàng Nam*

TS. Khoa Lý luận chính trị - Giáo dục công dân, Trường ĐHSPh Hà Nội

Received: 30/1/2024; Accepted: 8/2/2024; Published: 15/2/2024

Abstract: The global digital transformation context has created rapid transformation of all professions in society, including the teaching profession. Teachers in modern society need to have many hard and soft skills to adapt and improve teaching effectiveness. Therefore, the ability to use information and communication technology becomes the output standard of teacher training majors at Hanoi University of Education. Within the scope of this article, we discuss the current situation and measures to develop this capacity for pedagogical students majoring in Citizenship Education today.

Keywords: Students, civic education, capacity, information technology, digital transformation

1. Mở đầu

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục công dân (GDCD) ở tại Trường Đại học sư phạm (ĐHSPh) Hà Nội đã có từ năm 2009, trên nền tảng là ngành Giáo dục chính trị (GDCT) trước đây (đào tạo cả GV dạy các môn Lý luận chính trị ở các trường ĐH, CĐ và cả GV dạy môn GDCD ở các trường THPT), là ngành đào tạo thuộc khoa Lý luận chính trị - GDCD. Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn đổi mới giáo dục, chương trình đào tạo ngành GDCD đã được điều chỉnh các năm 2015, 2017 và mới nhất là năm 2021. Với tổng chỉ tiêu mỗi năm 163 SV với số lượng xét đầu vào chủ yếu là tổ hợp C19 và C20. Đây là ngành học lấy điểm đầu vào cao, chiếm số lượng nhiều so với các ngành GDCT, Chính trị học hay Triết học của nhà trường. Với mục tiêu chung là đào tạo GV giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (Chương trình GDPT 2018) ở các trường THPT và dạy môn GDCD ở bậc học THCS cũng như làm công tác giáo dục ở các cơ sở đào tạo. Vì vậy, SV cần phải nắm vững các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của nhà nước cùng các kỹ năng mềm, nghiệp vụ sư phạm, tinh thần khởi nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng. SV ngành GDCD buộc phải am hiểu GDPT và cũng cần phải hiểu sâu sắc về các hoạt động giáo dục (HĐGD) để khi ra trường có thể tham gia các vị trí công việc khác nhau trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chương trình đào tạo ngành GDCD của nhà trường được xây dựng với cấu trúc chương trình gồm tổng số 136 tín chỉ, cụ thể:

Khối học văn chung: 35 tín chỉ (chiếm tỷ lệ 26%)

Khối học văn ngành GDCD (chiếm tỷ lệ 48%)

Khối học văn đào tạo và rèn luyện năng lực nghiệp vụ sư phạm (chiếm tỷ lệ 26%)

Với chuẩn đầu ra gồm 4 tiêu chuẩn. Trong đó, tiêu chuẩn 4 có thể được coi là tiêu chuẩn đặc thù của ngành học, đó là: Năng lực khoa học ngành GDCD. Tiêu chuẩn 4 này có 6 tiêu chí, là:

Tiêu chí 1: Năng lực GDCD; Tiêu chí 2: Năng lực giải thích chương trình môn GDCD; Tiêu chí 3: Năng lực sử dụng (NLSD) các học vấn tổng quát và các học vấn GDCD vào thực tiễn; Tiêu chí 4: Năng lực NCKH GDCD; Tiêu chí 5: NLSD ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn; Tiêu chí 6: NLSDCNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn.

Như vậy, với mục tiêu cơ hội việc làm sau khi ra trường SV có thể là GV hay chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, các tổ chức chính trị xã hội thì đòi hỏi SV phải thành thạo CNTT, có kỹ năng truyền thông trở thành yêu cầu bắt buộc trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu hiện nay. Vì vậy, phát triển NLSD CNTT và truyền thông cho SVSP ngành GDCD có vai trò quan trọng bởi: Thứ nhất, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Thứ hai, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện đại trong bối cảnh CMCN 4.0, tạo ra đội ngũ nhà giáo hiện đại, có thể bắt kịp yêu cầu của thị trường lao động và thích ứng những thay đổi nhận thức của học sinh; Thứ ba, SV ngành GDCD sẽ có năng lực HĐGD và dạy học tốt, khẳng định thương hiệu của ngành, của khoa và của Trường ĐHSPh Hà Nội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng NLSDCNTT của SVSP ngành

GDCD tại Trường ĐHSP Hà Nội

2.1.1. Thực trạng NLSD máy tính và các phần mềm thông dụng trong học tập, nghiên cứu và dạy học môn GDCD

Kết quả khảo sát 350 SV ngành GDCD của cả 4 khóa (K70, 71, 72, 73) cho thấy 100% SV nhận thức được vai trò của CNTT trong học tập và dạy học. 100% SV có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm cơ bản của tin học văn phòng (word, excel) và một số phần mềm khác gắn với nhiệm vụ học tập và thực hành sư phạm như Canva, Quizz, Zoom... 100% SV sử dụng Zalo và Facebook để tham gia vào hoạt động nhóm học tập và truyền thông. Hiện tại có 89% SV sử dụng các mạng xã hội như Tiktok; 100% SV thành thạo sử dụng hệ thống quản lý học tập của nhà trường để phục vụ HĐHT. Ngoài ra, qua khảo sát cho thấy 75% SV sử dụng các nền tảng trực tuyến cho các mục đích như mua sắm cá nhân và các hoạt động giải trí khác. Có đến 35% SV từ năm thứ hai trở đi có tham gia vào các hoạt động thương mại điện tử trên các nền tảng như Shopee, Foody, Alibaba... Facebook, Zalo để bán hàng trực tuyến qua công việc làm thêm, bán hàng online cho các nhà cung cấp hoặc các công ty dịch vụ bán hàng online và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, hạn chế là có đến 25% SV năm thứ nhất chưa có máy tính cá nhân và điện thoại thông minh, vẫn phải dùng chung hoặc mượn của bạn nên việc tiếp cận các phần mềm CNTT và thiết kế HĐHT còn khó khăn. Một số SV quan niệm môn Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật là môn phụ, không có vị thế lớn trong nhà trường nên không cần chú trọng đầu tư nhiều vào thiết bị CNTT cũng như thời gian thiết kế bài giảng điện tử. SV năm thứ nhất, thứ hai thường chưa xác định được rõ mục đích sử dụng phần mềm CNTT để hướng đến việc học tập ngành học GDCD. Đồng thời, SV cũng chưa ý thức được việc cập nhật thường xuyên các phần mềm mới là rất quan trọng cho xây dựng hoàn thành các nhiệm vụ học tập cho sinh động. Do đó, trong quá trình học tập trên lớp hay thực hành nghiệp vụ sư phạm, SV chủ yếu dùng các phần mềm thông dụng. Đối với SV năm thứ ba, thứ tư thì việc thiết kế bài giảng thực hành dạy học và thực tập còn nghèo nàn vì chỉ sử dụng trình chiếu bằng Powerpoint và các Video từ Youtube mà thiếu đi tính sáng tạo khi tự thiết kế các Video phục vụ việc học tập qua nhiều phần mềm khác như Camtasi, zoom... Việc sử dụng các nguồn thông tin chủ yếu là khai thác những thông tin sẵn có, xây dựng và tạo ra những tư liệu thường ít được SV tiến hành thực hiện, nhất là những tư liệu

liên quan đến ngành học. Về vấn đề này nếu so sánh với SV các ngành nghệ thuật, mỹ thuật, khoa học máy tính thì tỷ lệ SV khối khoa học xã hội hình thành thói quen hoàn thành nhiệm vụ học tập bằng việc quay phim, chụp ảnh là khá ít.

Đối với hoạt động giáo dục, đặc biệt là công tác truyền thông, phần lớn sử dụng nền tảng facebook, zalo và tiktok. Có ít SV tìm kiếm các phần mềm mới phục vụ cho truyền thông. Hoạt động truyền thông này chủ yếu qua chi đoàn, Hội SV mà ít có sự mở rộng với các cơ sở và các tổ chức giáo dục khác (ngoại trừ SV năm thứ 4). Một vấn đề cần phải bàn tới là xu hướng giải trí là chủ yếu khi sử dụng các mạng xã hội, nhiều trường hợp chưa nắm được các quy định về an ninh mạng, an toàn thông tin và ứng xử trên mạng xã hội nên dẫn tới trào lưu giải trí, không phục vụ được cho nhiệm vụ học tập.

2.1.2. Thực trạng năng lực khai thác, sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên thông tin trong khoa GDCD

SVSP ngành GDCD sử dụng máy tính và internet hàng ngày phục vụ cho nhu cầu cá nhân và các HĐCD trong nhà trường chiếm tỷ lệ 100%. Xét từ tiêu chí thực trạng khai thác và sử dụng nguồn thông tin phục vụ cho học tập của ngành GDCD chiếm tỷ lệ khá cao. Tuy nhiên, việc khai thác thông tin trên thư viện điện tử nhà trường với hệ số thấp, SV chưa hình thành thói quen tìm tư liệu cho ngành học của mình. Kết quả khảo sát cho thấy xu hướng giải trí chi phối HĐHT trong lĩnh vực truyền thông của SV. Từ tiêu chí quản lý nguồn thông tin phục vụ chuyên ngành học và phục vụ thực tập, thực hành thì tỷ lệ chỉ có 55% SV có tạo kho lưu trữ thông tin và cập nhật thông tin lưu trữ liên quan đến ngành học của mình. Tỷ lệ SV năm thứ 4 thì cao hơn, tập trung vào thời điểm SV đi thực tập sư phạm. Trong quá trình sử dụng các phần mềm CNTT, chủ yếu SV dùng cho mục đích giải trí và hoạt động tra cứu, tra cứu nhanh.

2.1.3. Thực trạng NLSD được CNTT và truyền thông trong HĐGD và dạy học GDCD

Số liệu khảo sát cho thấy SV ngành GDCD có NLSD CNTT và truyền thông trong các HĐGD tốt hơn so với HĐ DH (thực hành sư phạm và TTSP). Kết quả này giúp cho SV phát huy được thể mạnh sau khi ra trường, tham gia vào các công tác đoàn, hội và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS phổ thông. SV năm thứ 2 trở đi có thể tiếp thu có chọn lọc và sử dụng các công cụ truyền thông cũng như có kỹ năng sử dụng công nghệ phục vụ cho các hoạt động truyền thông của lớp, của khoa. SV có hiểu biết cơ bản về việc đảm bảo an toàn thông tin trong HĐTT

theo quy định của pháp luật bởi vì hàng năm nhà trường có tổ chức học giáo dục pháp luật cho SV trong tuần nghiệp vụ sư phạm. Tuy nhiên, SV còn hạn chế trong việc thành thạo các phát triển các kỹ năng truyền thông cũng như xây dựng kho tư liệu truyền thông và tìm kiếm các công cụ truyền thông với kỹ thuật truyền thông mới cũng như xây dựng và vận hành các nhóm truyền thông mang tính tổ chức cao.

Như vậy, về cơ bản SV ngành GDCD đáp ứng được yêu cầu sử dụng máy tính và phần mềm tin học văn phòng trong HĐHT và thực hành sư phạm. NLSD máy tính của SV ngành GDCD thường không tốt như các ngành khoa học tự nhiên, CNTT, ngoại ngữ và các ngành khoa học máy tính vì lý do tuyển sinh đầu vào dựa trên tổ hợp khoa học xã hội. Ngoài ra, nhiều SV là đối tượng dân tộc, miền núi, nông thôn với điều kiện kinh tế còn khó khăn nên việc tự trang bị cho mình máy tính, điện thoại thông minh để đồng bộ hóa hướng tới lớp học thông minh và vận dụng các phương pháp dạy học đảo ngược (Blended learning) là rất khó khăn. SV lạm dụng tra cứu và copy đã hạn chế sự sáng tạo, thói quen đọc sách, tài liệu, khả năng viết các sản phẩm NCKH, thậm chí đạo văn nhiều (nhà trường đã có các quy định về phòng chống đạo văn đối với SV làm khóa luận tốt nghiệp). Tỷ lệ scan khóa luận tốt nghiệp bằng phần mềm Turnitin từ 30% trở xuống mới đạt yêu cầu bảo vệ trước hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp. Thực trạng phát triển NLSD CNTT và truyền thông trong các HĐGD có nhiều ưu điểm như biết tiếp thu có chọn lọc và sử dụng các công cụ truyền thông, có kỹ năng sử dụng công nghệ... Tuy nhiên còn bộc lộ nhiều hạn chế so với yêu cầu chuẩn đầu ra.

2.2. Các biện pháp phát triển NLSD CNTT cho SVSP ngành GDCD tại Trường ĐHSP Hà Nội

2.2.1.. *Đối với SV:* Trong HĐGD cần thay đổi nhận thức của SV về mục đích sử dụng các phần mềm CNTT và hoạt động truyền thông. Cần phát huy vai trò của Đoàn thanh niên và Hội SV trong các cuộc thi về sự thành thạo CNTT và bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng truyền thông cho SV. Khoa cần có bộ phận tư vấn cho SV tiếp thu có chọn lọc và sử dụng các công cụ truyền thông cũng như kỹ năng sử dụng công nghệ tích cực, tránh tra cứu máy móc, sẵn có hoặc copy, đạo văn. Bộ phận này giúp SV sử dụng công nghệ, đảm bảo an toàn thông tin theo quy định của pháp luật và cùng SV xây dựng tư liệu truyền thông và các tổ chức truyền thông bài bản, không

tự phát. Hàng năm nên tổ chức bồi dưỡng kiến thức CNTT, tập huấn kỹ năng truyền thông cho SV và xây dựng văn hóa ứng xử khi tham gia mạng xã hội và truyền thông. Liên chi đoàn nên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về hoạt động truyền thông trong nhà trường phổ thông để giúp SV sớm thích ứng và trải nghiệm với HĐTT, đáp ứng yêu cầu công việc khi ra trường.

2.2.2. *Đối giảng GV:* Trong HĐDH GV cần coi hoạt động rèn luyện kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông cho SV thuộc về mục tiêu và kế hoạch dạy học. Vì vậy, quá trình tổ chức dạy học cũng như đánh giá kết quả học tập của SV cùng phương pháp đối với hoạt động thực hành sư phạm luôn gắn với việc sử dụng CNTT trong và ngoài lớp học. Hoạt động giảng dạy gắn với đổi mới PPDH, tích hợp trong mục tiêu và quá trình tổ chức dạy học song song với đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá, chuyển sang đánh giá toàn diện, đánh giá theo năng lực trong đó có NLSD CNTT và truyền thông của SV trong quá trình học tập.

3. Kết luận

Có thể thấy SVSP ngành GDCD đã sớm có những kỹ năng cơ bản về CNTT và truyền thông, tuy nhiên tỷ lệ này chưa đồng đều ở mức độ thành thạo. Đặc biệt là mức độ thành thạo của SV trong khai thác thông tin, xây dựng kho tư liệu phục vụ việc giảng dạy và NCKH ngành GDCD, trong các HĐGD và giảng dạy. Vì vậy, thay đổi nhận thức của người dạy và người học khi đặt mục tiêu cần đạt được trong quá trình dạy học để có các biện pháp cụ thể trong cả HĐGD và giảng dạy cho SV ngành GDCD hiện nay cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa GV với Liên chi đoàn và Hội SV cũng như Ban truyền thông của Khoa, đặc biệt là cá nhân mỗi GV khi xây dựng kế hoạch dạy học cho SV chuyên ngành.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành TƯ Đảng (2004), *Chỉ thị số 40/2004/CT-TW về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQLGD*. Hà Nội
2. Bộ Chính trị (2014), *Nghị quyết số 36-NQ/TW về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế*. Hà Nội
3. Lê Hồng Sơn (2002), "ICT với giáo dục đào tạo ở Việt Nam", *Tạp chí Giáo dục*, Số 32.
4. Dương Tiến Sỹ (2010), "Phương hướng nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT vào dạy học", *Tạp chí Giáo dục*, Số 235.
5. Phan Chí Thành (2018), "Cách mạng công nghiệp 4.0 – xu thế phát triển của giáo dục trực tuyến", *Tạp chí Giáo dục*, Số 421.